

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 421

Câu 1. Công nghiệp chế biến của Tây Nguyên đang được đẩy mạnh chủ yếu là nhờ đâu?

- A. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi.
- B. Việc tăng cường nguồn lao động cả về số lượng và chất lượng.
- C. Nền nông nghiệp hàng hoá của vùng phát triển mạnh.
- D. Việc tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng và mở rộng thị trường.

Câu 2. Nghề làm muối ở nước ta phát triển nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 3. Với dân số 18,8 triệu người (2023), diện tích 23,6 nghìn km², mật độ dân số của vùng Đông Nam Bộ vào khoảng?

- A. 797 người/km².
- B. 870 người/km².
- C. 810 người/km².
- D. 786 người/km².

Câu 4. Tỉnh nào thuộc đồng bằng sông Cửu Long nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

- A. Bến Tre.
- B. Long An.
- C. Trà Vinh.
- D. An Giang.

Câu 5. Diện tích vùng biển thuộc chủ quyền nước ta lớn hơn diện tích đất liền khoảng bao nhiêu?

- A. Gần 2 lần.
- B. Hơn 5 lần.
- C. Hơn 3 lần.
- D. Gần 4 lần.

Câu 6. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của Đông Nam Bộ là gì?

- A. Mùa khô kéo dài.
- B. Tài nguyên khoáng sản ít.
- C. Đất đai kém màu mỡ.
- D. Tài nguyên rừng nghèo.

Câu 7. Đồng bằng sông Cửu Long chăn nuôi chủ yếu là gì?

- A. Lợn, bò, vịt.
- B. Lợn, dê, vịt.
- C. Lợn, bò, dê.
- D. Lợn, trâu, bò.

Câu 8. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CAO SU CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN

2000 – 2014

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2000	2005	2010	2014
Cả nước	413,8	482,7	740,5	978,9
Đông Nam Bộ	272,5	306,4	433,9	626,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015)

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích gieo trồng cây cao su của cả nước và Đông Nam Bộ giai đoạn 2000 - 2014?

- A. Diện tích gieo trồng cao su của cả nước tăng, Đông Nam Bộ giảm.
- B. Diện tích gieo trồng cao su của Đông Nam Bộ chiếm tỉ trọng nhỏ so với cả nước.
- C. Tỉ trọng diện tích gieo trồng cao su của Đông Nam Bộ trong cả nước tăng.
- D. Diện tích gieo trồng cao su của cả nước và Đông Nam Bộ đều tăng.

Câu 9. Đặc điểm sinh thái nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Nguồn nước dồi dào, phong phú.
- B. Diện tích đất nhiễm phèn, nhiễm mặn lớn.
- C. Diện tích đất nông nghiệp lớn, chủ yếu là đất phù sa màu mỡ.

D. Khí hậu diễn biến thất thường ảnh hưởng đến sản xuất.

Câu 10. Hoạt động du lịch có tiềm năng nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì?

- A. Sinh thái. B. Nghỉ dưỡng. C. Văn hóa. D. Mạo hiểm.

Câu 11. Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH RỪNG CỦA VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2005-2017.

(Đơn vị: Nghìn ha)

Vùng	Diện tích rừng		
	2005	2014	2017
Tây Nguyên	2995,9	2567,1	2553,8
Cả nước	12418,5	13796,5	14415,4

Nguồn: tổng cục thống kê Việt Nam năm 2017

Nhận xét nào sau đây là đúng về diện tích rừng của Tây Nguyên và cả nước giai đoạn 2005- 2017?

- A. Tỷ trọng diện tích rừng của Tây Nguyên so với cả nước ngày càng giảm.
B. Diện tích rừng của cả nước có sự biến động mạnh theo thời gian.
C. Diện tích rừng của Tây Nguyên và cả nước đều có xu hướng tăng.
D. Diện tích rừng của Tây Nguyên tăng nhẹ và giảm dần theo thời gian.

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với tài nguyên thiên nhiên của vùng Tây Nguyên?

- A. Đất đai màu mỡ. B. Trữ năng thủy điện tương đối lớn.
C. Khí hậu đa dạng, rừng còn nhiều. D. Nhiều tài nguyên khoáng sản.

Câu 13. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vùng Đông Nam Bộ?

- A. Số dân vào loại trung bình so với các vùng khác.
B. Dẫn đầu cả nước về GDP, giá trị sản lượng công nghiệp.
C. Giá trị hàng xuất khẩu đứng thứ hai ở nước ta.
D. Diện tích vào loại nhỏ so với các vùng khác.

Câu 14. Đặc điểm **không** đúng với vùng Đông Nam Bộ là gì?

- A. Có nền kinh tế hàng hoá mới phát triển gần đây.
B. Có cơ cấu nông nghiệp và dịch vụ phát triển hơn các vùng khác.
C. Dẫn đầu cả nước về GDP, giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị xuất khẩu.
D. Có cơ cấu kinh tế công nghiệp phát triển hơn các vùng khác.

Câu 15. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là gì?

- A. Cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa.
B. Hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta.
C. Nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất.
D. Một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ nước ta.

Câu 16. Vùng đồng bằng sông Cửu Long bao gồm mấy tỉnh/thành phố?

- A. 12. B. 13. C. 14. D. 15.

Câu 17. Nguồn lợi tổ chim yến của nước ta phân bố chủ yếu ở các đảo đá thuộc vùng biển khu vực nào?

- A. Đông Nam Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Vịnh Bắc Bộ. D. Vịnh Thái Lan.

Câu 18. Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra thiên tai gì?

- A. Hạn hán. B. Bão. C. Lũ lụt. D. xâm nhập mặn.

Câu 19. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất ở Tây Nguyên hiện nay là gì?

- A. Đại Ninh. B. Dray H'linh. C. Đa Nhim. D. Yaly.

Câu 20. Tỉnh nào có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long?

A. An Giang. B. Bến Tre. C. Cà Mau. D. Đồng Tháp.

Câu 21. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với điều kiện kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên?

- A. Nhiều lao động lành nghề, cán bộ khoa học kỹ thuật.
B. Mức sống của nhân dân còn thấp, tỉ lệ người chưa biết đọc biết viết còn cao.
C. Địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người.
D. Là vùng thưa dân cư nhất nước ta.

Câu 22. Biển nước ta là nguồn muối vô tận. Hàng năm các cánh đồng muối ở nước ta cung cấp một lượng muối khoảng bao nhiêu?

- A. 900.000 tấn. B. 90 nghìn tấn. C. 900 tấn. D. 900 triệu tấn.

Câu 23. Các tỉnh/thành phố nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ hiện nay?

- A. Bình Thuận, Lâm Đồng. B. TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu.
C. Bình Dương, Bình Phước. D. Tây Ninh, Đồng Nai.

Câu 24. Nhân tố được coi là có ảnh hưởng lớn nhất đến sự có mặt của cây cà phê ở Tây Nguyên là gì?

- A. Kinh nghiệm của người dân. B. Đất badan màu mỡ.
C. Địa hình phân bậc. D. Khí hậu cận xích đạo.

Câu 25. Thành phố Hải Phòng gồm những huyện đảo nào?

- A. Huyện đảo Cồn Cỏ và huyện đảo Cát Hải.
B. Huyện đảo Cát Hải và huyện đảo Bạch Long Vĩ.
C. Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cát Hải.
D. Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cô Tô.

Câu 26. Huyện đảo thuộc vùng Đông Nam Bộ là gì?

- A. Côn Đảo. B. Phú Quý. C. Vân Đồn. D. Phú Quốc.

Câu 27. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là 2 vùng có những thế mạnh tương đồng nào?

- A. Khai thác tài nguyên khoáng sản. B. Khai thác lâm sản.
C. Trồng cây công nghiệp lâu năm. D. Phát triển chăn nuôi gia súc.

Câu 28. Cảng nước sâu gắn với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc đã được xây dựng là gì?

- A. Nghi Sơn. B. Cái Lân. C. Vũng Áng. D. Dung Quất.

Câu 29. Điểm nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ ở Đông Nam Bộ?

- A. Các ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của vùng.
B. Dẫn đầu cả nước về tăng trưởng nhanh và phát triển có hiệu quả ngành dịch vụ.
C. Các hoạt động dịch vụ ở Đông Nam Bộ ngày càng phát triển đa dạng.
D. Các hoạt động dịch vụ thương mại, ngân hàng tín dụng,.. phát triển chậm.

Câu 30. Tỉnh nào ở Tây Nguyên có diện tích trồng chè lớn nhất nước?

- A. Đắk Lắk. B. Gia Lai. C. Kon Tum. D. Lâm Đồng.

Câu 31. Các ngành công nghiệp quan trọng nhất ở Tây Nguyên là ngành nào?

- A. Thủy điện và chế biến nông, lâm sản.
B. Thủy điện và sản xuất hàng tiêu dùng.
C. Sản xuất vật liệu xây dựng và cơ khí.
D. Luyện kim và hoá chất.

Câu 32. Tuyến quốc lộ huyết mạch nối Tây Nguyên với Đông Nam Bộ là gì?

- A. 27. B. 25. C. 26. D. 14.

Câu 33. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CAO SU CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN

2000 - 2014

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2000	2005	2010	2014
Cả nước	413,8	482,7	740,5	978,9
Đông Nam Bộ	272,5	306,4	433,9	626,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng cây cao su của Đông Nam Bộ và cả nước giai đoạn 2000 - 2014, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Kết hợp. C. Đường. D. Cột.

Câu 34. Cửa sông nào sau đây **không** thuộc hệ thống sông Mê Kông?

- A. Tranh Đề. B. Soi Rạp. C. Ba Lai. D. Cổ Chiên.

Câu 35. Thành phố nổi tiếng về trồng hoa và rau quả ôn đới ở Tây Nguyên là gì?

- A. Kon Tum. B. Buôn Ma Thuột. C. Plây Ku. D. Đà Lạt.

Câu 36. Dọc bờ biển nước ta có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp thuận lợi cho du lịch. Thứ tự đúng một số bãi tắm nổi tiếng từ Bắc vào Nam là gì?

- A. Mũi Né, Lăng Cô, Dốc Lết, Vũng Tàu, Phú Quốc.
B. Trà Cổ, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Thiên Cầm, Mỹ Khê.
C. Bãi Cháy, Sầm Sơn, Đồ Sơn, Nha Trang, Mỹ Khê.
D. Trà Cổ, Cát Bà, Thiên Cầm, Cửa Lò, Vũng Tàu.

Câu 37. Trung tâm kinh tế - chính trị và du lịch của đồng bằng sông Cửu Long là gì?

- A. Cà Mau. B. Hậu Giang. C. Cần Thơ. D. Vĩnh Long.

Câu 38. Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất du khách trong nước và quốc tế là gì?

- A. Du lịch thể thao dưới nước. B. Du lịch biển - đảo.
C. Du lịch an dưỡng. D. Du lịch sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 39. Tỉnh nào có diện tích lúa nhiều nhất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đồng Tháp. B. Kiên Giang. C. Vĩnh Long. D. Cần Thơ.

Câu 40. Huyện đảo Côn Cỏ thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Trị. B. Quảng Ngãi. C. Bình Thuận. D. Quảng Ninh.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 422

Câu 1. Với dân số 18,8 triệu người (2023), diện tích 23,6 nghìn km², mật độ dân số của vùng Đông Nam Bộ vào khoảng?

- A. 786 người/km². B. 810 người/km². C. 870 người/km². D. 797 người/km².

Câu 2. Biển nước ta là nguồn muối vô tận. Hàng năm các cánh đồng muối ở nước ta cung cấp một lượng muối khoảng bao nhiêu?

- A. 900 triệu tấn. B. 900.000 tấn. C. 900 tấn. D. 90 nghìn tấn.

Câu 3. Cửa sông nào sau đây **không** thuộc hệ thống sông Mê Kông?

- A. Soi Rạp. B. Cô Chiên. C. Tranh Đề. D. Ba Lai.

Câu 4. Điểm nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ ở Đông Nam Bộ?

- A. Các hoạt động dịch vụ ở Đông Nam Bộ ngày càng phát triển đa dạng.
B. Các ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của vùng.
C. Các hoạt động dịch vụ thương mại, ngân hàng tín dụng,.. phát triển chậm.
D. Dẫn đầu cả nước về tăng trưởng nhanh và phát triển có hiệu quả ngành dịch vụ.

Câu 5. Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH RỪNG CỦA VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2005-2017.

(Đơn vị: Nghìn ha)

Vùng	Diện tích rừng		
	2005	2014	2017
Tây Nguyên	2995,9	2567,1	2553,8
Cả nước	12418,5	13796,5	14415,4

Nguồn: tổng cục thống kê Việt Nam năm 2017

Nhận xét nào sau đây là đúng về diện tích rừng của Tây Nguyên và cả nước giai đoạn 2005- 2017?

- A. Tỷ trọng diện tích rừng của Tây Nguyên so với cả nước ngày càng giảm.
B. Diện tích rừng của Tây Nguyên và cả nước đều có xu hướng tăng.
C. Diện tích rừng của cả nước có sự biến động mạnh theo thời gian.
D. Diện tích rừng của Tây Nguyên tăng nhẹ và giảm dần theo thời gian.

Câu 6. Nhân tố được coi là có ảnh hưởng lớn nhất đến sự có mặt của cây cà phê ở Tây Nguyên là gì?

- A. Khí hậu cận xích đạo. B. Kinh nghiệm của người dân.
C. Địa hình phân bậc. D. Đất badan màu mỡ.

Câu 7. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất ở Tây Nguyên hiện nay là gì?

- A. Đại Ninh. B. Yaly. C. Dray H'linh. D. Đa Nhim.

Câu 8. Nghề làm muối ở nước ta phát triển nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 9. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vùng Đông Nam Bộ?

- A. Số dân vào loại trung bình so với các vùng khác.

- B. Dẫn đầu cả nước về GDP, giá trị sản lượng công nghiệp.
 C. Diện tích vào loại nhỏ so với các vùng khác.
 D. Giá trị hàng xuất khẩu đứng thứ hai ở nước ta.
- Câu 10.** Đồng Nam Bộ và Tây Nguyên là 2 vùng có những thế mạnh tương đồng nào?
 A. Khai thác lâm sản. B. Khai thác tài nguyên khoáng sản.
 C. Trồng cây công nghiệp lâu năm. D. Phát triển chăn nuôi gia súc.
- Câu 11.** Công nghiệp chế biến của Tây Nguyên đang được đẩy mạnh chủ yếu là nhờ đâu?
 A. Việc tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng và mở rộng thị trường.
 B. Nền nông nghiệp hàng hoá của vùng phát triển mạnh.
 C. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi.
 D. Việc tăng cường nguồn lao động cả về số lượng và chất lượng.
- Câu 12.** Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra thiên tai gì?
 A. Lũ lụt. B. Bão. C. Xâm nhập mặn. D. Hạn hán.
- Câu 13.** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của Đồng Nam Bộ là gì?
 A. Đất đai kém màu mỡ. B. Mùa khô kéo dài.
 C. Tài nguyên khoáng sản ít. D. Tài nguyên rừng nghèo.
- Câu 14.** Đặc điểm **không** đúng với vùng Đồng Nam Bộ là gì?
 A. Dẫn đầu cả nước về GDP, giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị xuất khẩu.
 B. Có cơ cấu kinh tế công nghiệp phát triển hơn các vùng khác.
 C. Có cơ cấu nông nghiệp và dịch vụ phát triển hơn các vùng khác.
 D. Có nền kinh tế hàng hoá mới phát triển gần đây.
- Câu 15.** Đồng bằng sông Cửu Long chăn nuôi chủ yếu là gì?
 A. Lợn, bò, dê. B. Lợn, dê, vịt. C. Lợn, bò, vịt. D. Lợn, trâu, bò.
- Câu 16.** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CAO SU CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN
 2000 - 2014**
 (Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2000	2005	2010	2014
Cả nước	413,8	482,7	740,5	978,9
Đông Nam Bộ	272,5	306,4	433,9	626,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng cây cao su của Đông Nam Bộ và cả nước giai đoạn 2000 - 2014, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Cột. C. Miền. D. Đường.
- Câu 17.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với điều kiện kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên?
 A. Địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người.
 B. Là vùng thưa dân cư nhất nước ta.
 C. Mức sống của nhân dân còn thấp, tỉ lệ người chưa biết đọc biết viết còn cao.
 D. Nhiều lao động lành nghề, cán bộ khoa học kỹ thuật.

- Câu 18.** Vùng đồng bằng sông Cửu Long bao gồm mấy tỉnh/thành phố?
 A. 14. B. 15. C. 12. D. 13.

- Câu 19.** Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất du khách trong nước và quốc tế là gì?
 A. Du lịch biển - đảo. B. Du lịch sinh thái rừng ngập mặn.
 C. Du lịch thể thao dưới nước. D. Du lịch an dưỡng.

Câu 20. Dọc bờ biển nước ta có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp thuận lợi cho du lịch. Thứ tự đúng một số bãi tắm nổi tiếng từ Bắc vào Nam là gì?

- A. Mũi Né, Lăng Cô, Dốc Lết, Vũng Tàu, Phú Quốc.
 B. Trà Cổ, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Thiên Cầm, Mỹ Khê.

C. Bãi Cháy, Sầm Sơn, Đồ Sơn, Nha Trang, Mỹ Khê.

D. Trà Cổ, Cát Bà, Thiên Cầm, Cửa Lò, Vũng Tàu.

Câu 21. Tỉnh nào thuộc đồng bằng sông Cửu Long nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. Trà Vinh.

B. Bến Tre.

C. An Giang.

D. Long An.

Câu 22. Tỉnh nào ở Tây Nguyên có diện tích trồng chè lớn nhất nước?

A. Kon Tum.

B. Gia Lai.

C. Lâm Đồng.

D. Đắk Lắk.

Câu 23. Diện tích vùng biển thuộc chủ quyền nước ta lớn hơn diện tích đất liền khoảng bao nhiêu?

A. Hơn 5 lần.

B. Hơn 3 lần.

C. Gần 2 lần.

D. Gần 4 lần.

Câu 24. Các ngành công nghiệp quan trọng nhất ở Tây Nguyên là ngành nào?

A. Sản xuất vật liệu xây dựng và cơ khí.

B. Thủy điện và sản xuất hàng tiêu dùng.

C. Thủy điện và chế biến nông, lâm sản.

D. Luyện kim và hoá chất.

Câu 25. Huyện đảo Côn Cỏ thuộc tỉnh nào?

A. Bình Thuận.

B. Quảng Trị.

C. Quảng Ninh.

D. Quảng Ngãi.

Câu 26. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CAO SU CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN

2000 – 2014

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2000	2005	2010	2014
Cả nước	413,8	482,7	740,5	978,9
Đông Nam Bộ	272,5	306,4	433,9	626,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015)

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích gieo trồng cây cao su của cả nước và Đông Nam Bộ giai đoạn 2000 - 2014?

A. Tỷ trọng diện tích gieo trồng cao su của Đông Nam Bộ trong cả nước tăng.

B. Diện tích gieo trồng cao su của cả nước và Đông Nam Bộ đều tăng.

C. Diện tích gieo trồng cao su của Đông Nam Bộ chiếm tỷ trọng nhỏ so với cả nước.

D. Diện tích gieo trồng cao su của cả nước tăng, Đông Nam Bộ giảm.

Câu 27. Tỉnh nào có diện tích lúa nhiều nhất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long?

A. Cần Thơ.

B. Vĩnh Long.

C. Kiên Giang.

D. Đồng Tháp.

Câu 28. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là gì?

A. Cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa.

B. Hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta.

C. Một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ nước ta.

D. Nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất.

Câu 29. Trung tâm kinh tế - chính trị và du lịch của đồng bằng sông Cửu Long là gì?

A. Cần Thơ.

B. Cà Mau.

C. Hậu Giang.

D. Vĩnh Long.

Câu 30. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với tài nguyên thiên nhiên của vùng Tây Nguyên?

A. Trữ năng thủy điện tương đối lớn.

B. Nhiều tài nguyên khoáng sản.

C. Đất đai màu mỡ.

D. Khí hậu đa dạng, rừng còn nhiều.

Câu 31. Hoạt động du lịch có tiềm năng nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì?

A. Văn hóa.

B. Mạo hiểm.

C. Nghỉ dưỡng.

D. Sinh thái.

Câu 32. Cảng nước sâu gắn với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc đã được xây dựng là gì?

A. Cái Lân.

B. Dung Quất.

C. Nghi Sơn.

D. Vũng Áng.

Câu 33. Thành phố Hải Phòng gồm những huyện đảo nào?

A. Huyện đảo Côn Cỏ và huyện đảo Cát Hải.

- B. Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cát Hải.
C. Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cô Tô.
D. Huyện đảo Cát Hải và huyện đảo Bạch Long Vĩ.
- Câu 34.** Nguồn lợi tổ chim yến của nước ta phân bố chủ yếu ở các đảo đá thuộc vùng biển khu vực nào?
A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Vịnh Bắc Bộ.
C. Vịnh Thái Lan. D. Đông Nam Bộ.
- Câu 35.** Huyện đảo thuộc vùng Đông Nam Bộ là gì?
A. Côn Đảo. B. Phú Quý. C. Vân Đồn. D. Phú Quốc.
- Câu 36.** Các tỉnh/thành phố nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ hiện nay?
A. Tây Ninh, Đồng Nai. B. Bình Dương, Bình Phước.
C. TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu. D. Bình Thuận, Lâm Đồng.
- Câu 37.** Tỉnh nào có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long?
A. Cà Mau. B. An Giang. C. Bến Tre. D. Đồng Tháp.
- Câu 38.** Đặc điểm sinh thái nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Cửu Long?
A. Diện tích đất nhiễm phèn, nhiễm mặn lớn.
B. Nguồn nước dồi dào, phong phú.
C. Diện tích đất nông nghiệp lớn, chủ yếu là đất phù sa màu mỡ.
D. Khí hậu diễn biến thất thường ảnh hưởng đến sản xuất.
- Câu 39.** Tuyến quốc lộ huyết mạch nối Tây Nguyên với Đông Nam Bộ là gì?
A. 25. B. 14. C. 27. D. 26.
- Câu 40.** Thành phố nổi tiếng về trồng hoa và rau quả ôn đới ở Tây Nguyên là gì?
A. Plây Ku. B. Buôn Ma Thuột. C. Đà Lạt. D. Kon Tum.

----- HẾT -----

*(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.
Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)*

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 423

Câu 1. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là gì?

- A. Cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa.
B. Một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ nước ta.
C. Nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất.
D. Hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta.

Câu 2. Diện tích vùng biển thuộc chủ quyền nước ta lớn hơn diện tích đất liền khoảng bao nhiêu?

- A. Hơn 3 lần. B. Gần 4 lần. C. Hơn 5 lần. D. Gần 2 lần.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH RỪNG CỦA VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2005-2017.

(Đơn vị: Nghìn ha)

Vùng	Diện tích rừng		
	2005	2014	2017
Tây Nguyên	2995,9	2567,1	2553,8
Cả nước	12418,5	13796,5	14415,4

Nguồn: tổng cục thống kê Việt Nam năm 2017

Nhận xét nào sau đây là đúng về diện tích rừng của Tây Nguyên và cả nước giai đoạn 2005- 2017?

- A. Diện tích rừng của Tây Nguyên tăng nhẹ và giảm dần theo thời gian.
B. Diện tích rừng của Tây Nguyên và cả nước đều có xu hướng tăng.
C. Tỷ trọng diện tích rừng của Tây Nguyên so với cả nước ngày càng giảm.
D. Diện tích rừng của cả nước có sự biến động mạnh theo thời gian.

Câu 4. Điểm nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ ở Đông Nam Bộ?

- A. Các hoạt động dịch vụ ở Đông Nam Bộ ngày càng phát triển đa dạng.
B. Các hoạt động dịch vụ thương mại, ngân hàng tín dụng,.. phát triển chậm.
C. Các ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của vùng.
D. Dẫn đầu cả nước về tăng trưởng nhanh và phát triển có hiệu quả ngành dịch vụ.

Câu 5. Với dân số 18,8 triệu người (2023), diện tích 23,6 nghìn km², mật độ dân số của vùng Đông Nam Bộ vào khoảng?

- A. 870 người/km². B. 810 người/km². C. 797 người/km². D. 786 người/km².

Câu 6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long bao gồm mấy tỉnh/thành phố?

- A. 15. B. 12. C. 13. D. 14.

Câu 7. Tỉnh nào có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. An Giang. B. Đồng Tháp. C. Cà Mau. D. Bến Tre.

Câu 8. Tỉnh nào thuộc đồng bằng sông Cửu Long nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

- A. Trà Vinh. B. Long An. C. Bến Tre. D. An Giang.

Câu 9. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với tài nguyên thiên nhiên của vùng Tây Nguyên?

- A. Khí hậu đa dạng, rừng còn nhiều. B. Trữ năng thủy điện tương đối lớn.

C. Nhiều tài nguyên khoáng sản.

D. Đất đai màu mỡ.

Câu 10. Cửa sông nào sau đây **không** thuộc hệ thống sông Mê Kông?

A. Soi Rạp.

B. Cổ Chiên.

C. Tranh Đề.

D. Ba Lai.

Câu 11. Trung tâm kinh tế - chính trị và du lịch của đồng bằng sông Cửu Long là gì?

A. Vĩnh Long.

B. Hậu Giang.

C. Cà Mau.

D. Cần Thơ.

Câu 12. Thành phố Hải Phòng gồm những huyện đảo nào?

A. Huyện đảo Cồn Cỏ và huyện đảo Cát Hải.

B. Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cát Hải.

C. Huyện đảo Cát Hải và huyện đảo Bạch Long Vĩ.

D. Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cô Tô.

Câu 13. Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất du khách trong nước và quốc tế là gì?

A. Du lịch sinh thái rừng ngập mặn.

B. Du lịch an dưỡng.

C. Du lịch thể thao dưới nước.

D. Du lịch biển - đảo.

Câu 14. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CAO SU CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN

2000 - 2014

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2000	2005	2010	2014
Cả nước	413,8	482,7	740,5	978,9
Đông Nam Bộ	272,5	306,4	433,9	626,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng cây cao su của Đông Nam Bộ và cả nước giai đoạn 2000 - 2014, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Đường.

B. Miền.

C. Kết hợp.

D. Cột.

Câu 15. Đặc điểm sinh thái nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Nguồn nước dồi dào, phong phú.

B. Diện tích đất nhiễm phèn, nhiễm mặn lớn.

C. Diện tích đất nông nghiệp lớn, chủ yếu là đất phù sa màu mỡ.

D. Khí hậu diễn biến thất thường ảnh hưởng đến sản xuất.

Câu 16. Đặc điểm **không** đúng với vùng Đông Nam Bộ là gì?

A. Dẫn đầu cả nước về GDP, giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị xuất khẩu.

B. Có cơ cấu kinh tế công nghiệp phát triển hơn các vùng khác.

C. Có cơ cấu nông nghiệp và dịch vụ phát triển hơn các vùng khác.

D. Có nền kinh tế hàng hoá mới phát triển gần đây.

Câu 17. Nhân tố được coi là có ảnh hưởng lớn nhất đến sự có mặt của cây cà phê ở Tây Nguyên là gì?

A. Địa hình phân bậc.

B. Đất badan màu mỡ.

C. Khí hậu cận xích đạo.

D. Kinh nghiệm của người dân.

Câu 18. Biển nước ta là nguồn muối vô tận. Hàng năm các cánh đồng muối ở nước ta cung cấp một lượng muối khoảng bao nhiêu?

A. 900.000 tấn.

B. 90 nghìn tấn.

C. 900 tấn.

D. 900 triệu tấn.

Câu 19. Đồng bằng sông Cửu Long chăn nuôi chủ yếu là gì?

A. Lợn, bò, dê.

B. Lợn, trâu, bò.

C. Lợn, bò, vịt.

D. Lợn, dê, vịt.

Câu 20. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là 2 vùng có những thế mạnh tương đồng nào?

A. Khai thác lâm sản.

B. Khai thác tài nguyên khoáng sản.

C. Trồng cây công nghiệp lâu năm.

D. Phát triển chăn nuôi gia súc.

Câu 21. Các ngành công nghiệp quan trọng nhất ở Tây Nguyên là ngành nào?

A. Sản xuất vật liệu xây dựng và cơ khí.

B. Luyện kim và hoá chất.

- C. Thủy điện và chế biến nông, lâm sản.
D. Thủy điện và sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 22. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vùng Đông Nam Bộ?

- A. Diện tích vào loại nhỏ so với các vùng khác.
B. Giá trị hàng xuất khẩu đứng thứ hai ở nước ta.
C. Số dân vào loại trung bình so với các vùng khác.
D. Dẫn đầu cả nước về GDP, giá trị sản lượng công nghiệp.

Câu 23. Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CAO SU CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN
2000 – 2014**

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2000	2005	2010	2014
Cả nước	413,8	482,7	740,5	978,9
Đông Nam Bộ	272,5	306,4	433,9	626,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015)

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích gieo trồng cây cao su của cả nước và Đông Nam Bộ giai đoạn 2000 - 2014?

- A. Diện tích gieo trồng cao su của cả nước và Đông Nam Bộ đều tăng.
B. Diện tích gieo trồng cao su của cả nước tăng, Đông Nam Bộ giảm.
C. Tỷ trọng diện tích gieo trồng cao su của Đông Nam Bộ trong cả nước tăng.
D. Diện tích gieo trồng cao su của Đông Nam Bộ chiếm tỷ trọng nhỏ so với cả nước.

Câu 24. Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra thiên tai gì?

- A. Hạn hán. B. Xâm nhập mặn. C. Bão. D. Lũ lụt.

Câu 25. Tỉnh nào ở Tây Nguyên có diện tích trồng chè lớn nhất nước?

- A. Gia Lai. B. Đắk Lắk. C. Kon Tum. D. Lâm Đồng.

Câu 26. Huyện đảo Cồn Cỏ thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Thuận. C. Quảng Trị. D. Quảng Ninh.

Câu 27. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của Đông Nam Bộ là gì?

- A. Đất đai kém màu mỡ. B. Tài nguyên khoáng sản ít.
C. Mùa khô kéo dài. D. Tài nguyên rừng nghèo.

Câu 28. Tỉnh nào có diện tích lúa nhiều nhất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Cần Thơ. B. Kiên Giang. C. Đồng Tháp. D. Vĩnh Long.

Câu 29. Tuyến quốc lộ huyết mạch nối Tây Nguyên với Đông Nam Bộ là gì?

- A. 26. B. 27. C. 14. D. 25.

Câu 30. Thành phố nổi tiếng về trồng hoa và rau quả ôn đới ở Tây Nguyên là gì?

- A. Đà Lạt. B. Plây Ku. C. Buôn Ma Thuột. D. Kon Tum.

Câu 31. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất ở Tây Nguyên hiện nay là gì?

- A. Đa Nhim. B. Đại Ninh. C. Yaly. D. Dray H'linh.

Câu 32. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với điều kiện kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên?

- A. Nhiều lao động lành nghề, cán bộ khoa học kỹ thuật.
B. Mức sống của nhân dân còn thấp, tỷ lệ người chưa biết đọc biết viết còn cao.
C. Địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người.
D. Là vùng thưa dân cư nhất nước ta.

Câu 33. Huyện đảo thuộc vùng Đông Nam Bộ là gì?

- A. Vân Đồn. B. Phú Quốc. C. Phú Quý. D. Côn Đảo.

Câu 34. Dọc bờ biển nước ta có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp thuận lợi cho du lịch. Thứ tự đúng một số bãi tắm nổi tiếng từ Bắc vào Nam là gì?

- A. Bãi Cháy, Sầm Sơn, Đồ Sơn, Nha Trang, Mỹ Khê.
- B. Trà Cổ, Cát Bà, Thiên Cầm, Cửa Lò, Vũng Tàu.
- C. Mũi Né, Lăng Cô, Dốc Lết, Vũng Tàu, Phú Quốc.
- D. Trà Cổ, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Thiên Cầm, Mỹ Khê.

Câu 35. Hoạt động du lịch có tiềm năng nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì?

- A. Nghỉ dưỡng.
- B. Văn hóa.
- C. Sinh thái.
- D. Mạo hiểm.

Câu 36. Nguồn lợi tổ chim yến của nước ta phân bố chủ yếu ở các đảo đá thuộc vùng biển khu vực nào?

- A. Vịnh Thái Lan.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Vịnh Bắc Bộ.

Câu 37. Công nghiệp chế biến của Tây Nguyên đang được đẩy mạnh chủ yếu là nhờ đâu?

- A. Việc tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng và mở rộng thị trường.
- B. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi.
- C. Việc tăng cường nguồn lao động cả về số lượng và chất lượng.
- D. Nền nông nghiệp hàng hoá của vùng phát triển mạnh.

Câu 38. Nghề làm muối ở nước ta phát triển nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 39. Các tỉnh/thành phố nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ hiện nay?

- A. Bình Thuận, Lâm Đồng.
- B. Tây Ninh, Đồng Nai.
- C. Bình Dương, Bình Phước.
- D. TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 40. Cảng nước sâu gắn với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc đã được xây dựng là gì?

- A. Dung Quất.
- B. Nghi Sơn.
- C. Cái Lân.
- D. Vũng Áng.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên:

Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 424

- Câu 1.** Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra thiên tai gì?
A. Hạn hán. B. Bão. C. xâm nhập mặn. D. Lũ lụt.
- Câu 2.** Nhân tố được coi là có ảnh hưởng lớn nhất đến sự có mặt của cây cà phê ở Tây Nguyên là gì?
A. Địa hình phân bậc. B. Kinh nghiệm của người dân.
C. Đất badan màu mỡ. D. Khí hậu cận xích đạo.
- Câu 3.** Vùng đồng bằng sông Cửu Long bao gồm mấy tỉnh/thành phố?
A. 15. B. 12. C. 14. D. 13.
- Câu 4.** Các ngành công nghiệp quan trọng nhất ở Tây Nguyên là ngành nào?
A. Luyện kim và hoá chất.
B. Thủy điện và sản xuất hàng tiêu dùng.
C. Thủy điện và chế biến nông, lâm sản.
D. Sản xuất vật liệu xây dựng và cơ khí.
- Câu 5.** Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là gì?
A. Nơi có thể tổ chức quân cư, phát triển sản xuất.
B. Hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta.
C. Cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa.
D. Một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ nước ta.
- Câu 6.** Tỉnh nào có sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long?
A. Cà Mau. B. Đồng Tháp. C. Bến Tre. D. An Giang.
- Câu 7.** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của Đông Nam Bộ là gì?
A. Tài nguyên rừng nghèo. B. Đất đai kém màu mỡ.
C. Mùa khô kéo dài. D. Tài nguyên khoáng sản ít.
- Câu 8.** Đồng bằng sông Cửu Long chăn nuôi chủ yếu là gì?
A. Lợn, bò, vịt. B. Lợn, bò, dê. C. Lợn, dê, vịt. D. Lợn, trâu, bò.
- Câu 9.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với tài nguyên thiên nhiên của vùng Tây Nguyên?
A. Trữ năng thủy điện tương đối lớn. B. Nhiều tài nguyên khoáng sản.
C. Khí hậu đa dạng, rừng còn nhiều. D. Đất đai màu mỡ.
- Câu 10.** Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất du khách trong nước và quốc tế là gì?
A. Du lịch biển - đảo. B. Du lịch an dưỡng.
C. Du lịch thể thao dưới nước. D. Du lịch sinh thái rừng ngập mặn.
- Câu 11.** Công nghiệp chế biến của Tây Nguyên đang được đẩy mạnh chủ yếu là nhờ đâu?
A. Việc tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng và mở rộng thị trường.
B. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi.
C. Nền nông nghiệp hàng hoá của vùng phát triển mạnh.
D. Việc tăng cường nguồn lao động cả về số lượng và chất lượng.
- Câu 12.** Thành phố Hải Phòng gồm những huyện đảo nào?
A. Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cô Tô.
B. Huyện đảo Cồn Cỏ và huyện đảo Cát Hải.
C. Huyện đảo Cát Hải và huyện đảo Bạch Long Vĩ.
D. Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cát Hải.

Câu 13. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với điều kiện kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên?

- A. Là vùng thưa dân cư nhất nước ta.
- B. Nhiều lao động lành nghề, cán bộ khoa học kỹ thuật.
- C. Mức sống của nhân dân còn thấp, tỉ lệ người chưa biết đọc biết viết còn cao.
- D. Địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người.

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vùng Đông Nam Bộ?

- A. Dẫn đầu cả nước về GDP, giá trị sản lượng công nghiệp.
- B. Diện tích vào loại nhỏ so với các vùng khác.
- C. Giá trị hàng xuất khẩu đứng thứ hai ở nước ta.
- D. Số dân vào loại trung bình so với các vùng khác.

Câu 15. Nguồn lợi tổ chim yến của nước ta phân bố chủ yếu ở các đảo đá thuộc vùng biển khu vực nào?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Vịnh Thái Lan.
- C. Vịnh Bắc Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 16. Tỉnh nào ở Tây Nguyên có diện tích trồng chè lớn nhất nước?

- A. Lâm Đồng.
- B. Đắk Lắk.
- C. Kon Tum.
- D. Gia Lai.

Câu 17. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là 2 vùng có những thế mạnh tương đồng nào?

- A. Trồng cây công nghiệp lâu năm.
- B. Khai thác tài nguyên khoáng sản.
- C. Phát triển chăn nuôi gia súc.
- D. Khai thác lâm sản.

Câu 18. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CAO SU CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2000 - 2014

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2000	2005	2010	2014
Cả nước	413,8	482,7	740,5	978,9
Đông Nam Bộ	272,5	306,4	433,9	626,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng cây cao su của Đông Nam Bộ và cả nước giai đoạn 2000 - 2014, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Miền.
- C. Đường.
- D. Cột.

Câu 19. Huyện đảo Côn Cỏ thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Trị.
- B. Bình Thuận.
- C. Quảng Ngãi.
- D. Quảng Ninh.

Câu 20. Với dân số 18,8 triệu người (2023), diện tích 23,6 nghìn km², mật độ dân số của vùng Đông Nam Bộ vào khoảng?

- A. 870 người/km².
- B. 786 người/km².
- C. 810 người/km².
- D. 797 người/km².

Câu 21. Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH RỪNG CỦA VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2005-2017.

(Đơn vị: Nghìn ha)

Vùng	Diện tích rừng		
	2005	2014	2017
Tây Nguyên	2995,9	2567,1	2553,8
Cả nước	12418,5	13796,5	14415,4

Nguồn: tổng cục thống kê Việt Nam năm 2017

Nhận xét nào sau đây là đúng về diện tích rừng của Tây Nguyên và cả nước giai đoạn 2005- 2017?

- A. Diện tích rừng của cả nước có sự biến động mạnh theo thời gian.

- B. Diện tích rừng của Tây Nguyên và cả nước đều có xu hướng tăng.
 C. Tỷ trọng diện tích rừng của Tây Nguyên so với cả nước ngày càng giảm.
 D. Diện tích rừng của Tây Nguyên tăng nhẹ và giảm dần theo thời gian.
- Câu 22.** Thành phố nổi tiếng về trồng hoa và rau quả ôn đới ở Tây Nguyên là gì?
 A. Kon Tum. B. Đà Lạt. C. Plây Ku. D. Buôn Ma Thuột.
- Câu 23.** Tỉnh nào có diện tích lúa nhiều nhất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long?
 A. Đồng Tháp. B. Cần Thơ. C. Vĩnh Long. D. Kiên Giang.
- Câu 24.** Nghề làm muối ở nước ta phát triển nhất ở vùng nào sau đây?
 A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Bắc Trung Bộ.
 C. Đồng bằng sông Hồng. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Câu 25.** Cửa sông nào sau đây **không** thuộc hệ thống sông Mê Kông?
 A. Tranh Đề. B. Cỏ Chiên. C. Soi Rạp. D. Ba Lai.
- Câu 26.** Diện tích vùng biển thuộc chủ quyền nước ta lớn hơn diện tích đất liền khoảng bao nhiêu?
 A. Gần 2 lần. B. Gần 4 lần. C. Hơn 5 lần. D. Hơn 3 lần.
- Câu 27.** Tỉnh nào thuộc đồng bằng sông Cửu Long nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?
 A. Long An. B. An Giang. C. Bến Tre. D. Trà Vinh.
- Câu 28.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CAO SU CỦA ĐÔNG NAM BỘ VÀ CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN

2000 – 2014

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2000	2005	2010	2014
Cả nước	413,8	482,7	740,5	978,9
Đông Nam Bộ	272,5	306,4	433,9	626,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015)

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích gieo trồng cây cao su của cả nước và Đông Nam Bộ giai đoạn 2000 - 2014?

- A. Diện tích gieo trồng cao su của Đông Nam Bộ chiếm tỉ trọng nhỏ so với cả nước.
 B. Diện tích gieo trồng cao su của cả nước tăng, Đông Nam Bộ giảm.
 C. Tỉ trọng diện tích gieo trồng cao su của Đông Nam Bộ trong cả nước tăng.
 D. Diện tích gieo trồng cao su của cả nước và Đông Nam Bộ đều tăng.
- Câu 29.** Cảng nước sâu gắn với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc đã được xây dựng là gì?
 A. Dung Quất. B. Vũng Áng. C. Nghi Sơn. D. Cái Lân.
- Câu 30.** Điểm nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ ở Đông Nam Bộ?
 A. Các hoạt động dịch vụ thương mại, ngân hàng tín dụng,.. phát triển chậm.
 B. Các hoạt động dịch vụ ở Đông Nam Bộ ngày càng phát triển đa dạng.
 C. Các ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của vùng.
 D. Dẫn đầu cả nước về tăng trưởng nhanh và phát triển có hiệu quả ngành dịch vụ.
- Câu 31.** Tuyến quốc lộ huyết mạch nối Tây Nguyên với Đông Nam Bộ là gì?
 A. 27. B. 14. C. 25. D. 26.
- Câu 32.** Các tỉnh/thành phố nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ hiện nay?
 A. TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu. B. Tây Ninh, Đồng Nai.
 C. Bình Dương, Bình Phước. D. Bình Thuận, Lâm Đồng.
- Câu 33.** Dọc bờ biển nước ta có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp thuận lợi cho du lịch. Thứ tự đúng một số bãi tắm nổi tiếng từ Bắc vào Nam là gì?
 A. Trà Cổ, Cát Bà, Thiên Cầm, Cửa Lò, Vũng Tàu.
 B. Mũi Né, Lăng Cô, Dốc Lết, Vũng Tàu, Phú Quốc.
 C. Bãi Cháy, Sầm Sơn, Đồ Sơn, Nha Trang, Mỹ Khê.

D. Trà Cổ, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Thiên Cầm, Mỹ Khê.

Câu 34. Đặc điểm sinh thái nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Nguồn nước dồi dào, phong phú.

B. Khí hậu diễn biến thất thường ảnh hưởng đến sản xuất.

C. Diện tích đất nông nghiệp lớn, chủ yếu là đất phù sa màu mỡ.

D. Diện tích đất nhiễm phèn, nhiễm mặn lớn.

Câu 35. Huyện đảo thuộc vùng Đông Nam Bộ là gì?

A. Phú Quý.

B. Phú Quốc.

C. Vân Đồn.

D. Côn Đảo.

Câu 36. Hoạt động du lịch có tiềm năng nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì?

A. Mạo hiểm.

B. Văn hóa.

C. Sinh thái.

D. Nghỉ dưỡng.

Câu 37. Đặc điểm **không** đúng với vùng Đông Nam Bộ là gì?

A. Có cơ cấu nông nghiệp và dịch vụ phát triển hơn các vùng khác.

B. Dẫn đầu cả nước về GDP, giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị xuất khẩu.

C. Có nền kinh tế hàng hoá mới phát triển gần đây.

D. Có cơ cấu kinh tế công nghiệp phát triển hơn các vùng khác.

Câu 38. Biển nước ta là nguồn muối vô tận. Hàng năm các cánh đồng muối ở nước ta cung cấp một lượng muối khoảng bao nhiêu?

A. 90 nghìn tấn.

B. 900.000 tấn.

C. 900 triệu tấn.

D. 900 tấn.

Câu 39. Trung tâm kinh tế - chính trị và du lịch của đồng bằng sông Cửu Long là gì?

A. Cà Mau.

B. Hậu Giang.

C. Vĩnh Long.

D. Cần Thơ.

Câu 40. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất ở Tây Nguyên hiện nay là gì?

A. Đại Ninh.

B. Drây H'linh.

C. Yaly.

D. Đa Nhim.

----- **HẾT** -----

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam/ Tập bản đồ Địa lí 12.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN KIỂM TRA HK2 - MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 12

Câu \ Đề	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
421	A	A	A	B	B	A	C	B	D	D	A	D	C	B	D	B	C	B	B	A
422	D	C	B	C	B	B	C	A	A	B	D	A	D	A	A	D	B	D	B	C
423	D	C	B	C	B	B	C	A	A	B	D	A	D	A	A	D	B	D	B	C
424	C	B	D	D	C	D	A	D	D	A	B	D	D	B	D	C	C	B	D	C

Câu \ Đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
421	C	A	A	B	C	A	A	D	D	A	A	D	C	A	A	B	B	B	D	A
422	D	B	A	C	A	D	B	D	D	C	B	B	B	D	C	D	D	D	A	B
423	A	A	C	B	C	C	A	B	C	A	D	C	D	A	D	D	B	A	C	C
424	B	C	D	C	C	D	C	A	B	A	C	C	B	C	D	A	A	C	A	D